



Hẹn Kiếp Sau

*Cẩm Tú Cầu, K18/1
(Vợ của cù 18 Đào Thương)*

Hôm nay là ngày mừng năm Tết, hơi ẩm và hương vị của ba ngày đầu Xuân còn phảng phất đâu đây, nắng cũng vàng tươi óng ánh tưới khắp vạn vật, đường sá xe cộ tấp nập người người đông đúc. Chị em tôi rủ nhau đi lễ Tây Sơn cách Qui Nhơn bốn mươi hai cây số, về phía Tây. Em gái tôi nhỏ hơn tôi mười tuổi. Xe lam chật ních xe vì ngày Tết nên chúng tôi phải chen chúc nhau. Đến Bình Nghi xe bị hư, khiến hành khách phải xuống xe ngồi la liệt bên ven đường chờ chủ sửa xe.

Hơn nửa giờ sau, em tôi bỗng thấy một chiếc xe jeep chạy lên với số xe quen thuộc. Đó là xe của chú tôi hiện làm đại đội trưởng đại đội vận tải Nguyễn Huệ. Hằng năm cứ mừng năm Tết ông lên dự lễ tại điện Tây Sơn. Tượng vua Quang Trung đặt giữa sân đền cũng là của đại đội ông đem lên đặt từ năm ngoái. Chúng tôi đón lại và lên xe. Đọc đường chú hỏi:

- Đi lễ sao không báo chú biết để chú cho tài xế lên đón đi luôn. (Chú tôi ở dưới khu Một còn tôi ở trên khu Sáu, gần như đầu và cuối Qui Nhơn.)

Phía sau xe còn có một thiếu úy trẻ. Tôi chào và liếc bảng tên thấy chữ An.

Đường từ Qui Nhơn lên Phú Phong đây xe chạy nườm nượp. Không khí ngày Xuân vui vẻ, tiết trời mát dịu quyền rũ lòng người. Trên đường toàn nam thanh nữ tú. Tất cả đều hướng về đền Tây Sơn. Đến nơi chú tôi và Thiếu Úy An vào đền làm lễ, chị em chúng tôi đi bộ lững thững quanh đền. Vì có rạp cao khoảng năm tấc và người người đứng vây quanh rất đông, nên tôi nhón lên cũng chẳng thấy được gì bên trong. Khi đang nói chuyện cùng người quen, tôi mừng tượng cảnh vua Quang Trung Nguyễn Huệ đang tập trận quanh đây, với tiếng chiêng, tiếng trống, tiếng reo hò của quân lính vang dội một góc trời. Chúng tôi ngưỡng mộ người anh hùng áo vải đất Tây Sơn, người anh hùng dân tộc mà vó ngựa lịch sử đã nói lên bao chiến công oai phong lẫm liệt. Tiếc thay một thiên tài quân sự phải sớm lìa bỏ cõi trần khi sự nghiệp chưa thực sự hoàn thành.

Trên đường về hình ảnh người xưa cứ phảng phất trong tâm trí tôi. Mẹ thường nói, “*Nam quốc cái thế anh hùng Nguyễn Huệ.*” Rồi mẹ kể chuyện ông hành quân hỏa tốc ra Bắc, khiến địch không ngờ quân Tây Sơn đến nhanh như thế nên bị thua hàng. Mẹ tôi rất tự hào vì mình là con của đất Tây Sơn.

Trên đường về Qui Nhơn, tôi ngồi cùng băng sau với Thiếu Úy An, nhưng suốt dọc đường chúng tôi không có dịp nói với nhau lời nào. Khoảng bốn tuần sau, chú tôi lên chơi và nói:

- Cháu à! Thiếu Úy An muốn hỏi cưới cháu.

Tôi ngỡ ngàng ngạc nhiên tột độ và tức cười. Tôi đâu phải heo mà ưa thì đem rọ đến xúc, nhưng lúc ấy tôi không dám nói ra. Chú tôi còn nói thêm:

- Thiếu Úy An hiền lành ít nói, không chơi bời, tối ở nhà lo đọc sách để mai sau giải ngũ về học lại trường Luật. Cậu ấy ở tận An Giang có một mẹ già cha mất sớm. Chú thấy An tính tình hiền lành, dễ thương nên mới giới thiệu cho cháu. Chú thấy các thiếu úy trẻ bây giờ yêu cuồng sống vội, cứ mang nặng ý nghĩ rồi một ngày nào đó sẽ ra đi không bao giờ trở lại

nên ăn chơi xả láng.

Lúc ấy tôi im lìm không dám nói ra nhưng tôi hẹn để tôi suy nghĩ kỹ vì ảnh hưởng cả cuộc đời của tôi sau này.

Thời gian này tôi đang làm việc tại Tiểu Đoàn 621 Yểm Trợ Truyền Tin. Làm văn thư nên công việc cũng nhàn nhã. Sáng chín giờ buro tin viên mới đem văn thư về, tôi vô sở rồi đem trình ký các phòng. Thời gian rảnh rỗi, công việc nhẹ nhàng. Nhưng ước vọng của tôi là làm nữ tiếp viên hàng không. Tôi đã thi và phỏng vấn xong, nhưng chưa có kết quả.

Tôi suy nghĩ khúc nhạc dạo đầu cho một tình yêu, cho một mái ấm gia đình, cho cuộc sống lứa đôi đâu phải dễ dàng đơn giản. Tôi mơ một tình yêu có hoa bướm, có trăng sao, có những chiều bên nhau cùng thủ thỉ chuyện tâm tình giữa một khung cảnh tình tứ, lãng mạn nên thơ. Cuộc sống phải có tình yêu, phải thông cảm san sẻ yêu thương, và phải hiểu nhau tường tận. Sẽ gặp vô vàn khó khăn khi hai người chưa hiểu thấu nhau mà đã vội vàng hấp tấp lấy nhau. Mọi chuyện sẽ đi đến đổ vỡ thảm thương, mà đau khổ và thiệt thòi luôn luôn dành cho phái nữ. Cái vẻ bên ngoài chẳng vun đắp cho hạnh phúc mai sau.



Một tháng sau tôi nói cùng chú

- Cháu chưa muốn có gia đình, cháu muốn đi làm một thời gian, cháu đã có giấy gọi đi làm tiếp viên hàng không rồi.

Mấy tuần sau tôi nghe tin Thiếu Úy An dẫn trung đội đi công tác bị phục kích ở đèo Mang Yang. Mặc dù chống trả kịch liệt nhưng đã có nhiều binh sĩ hy sinh khá nhiều, trong đó có anh. Tôi lặng người, một nỗi buồn thăm lặng miên man trôi chảy trong đáy lòng đầy thương cảm đầy xót xa, tiếc thương cho chàng trai tuấn tú sớm lìa bỏ cõi trần. Đời lính thật ngắn ngủi, thật mong manh!

Chú tôi gặp tôi và nói:

- Nếu hôm trước cháu đồng ý, thì chú cho cậu ấy đi phép đem mẹ già ra. Chắc bây giờ còn ở tại nhà, cậu ấy không gặp nạn chết thảm.

Tôi choáng váng và tự nhiên như có cái gì đâm vụn lên tôi, vỡ òa tan tác. Tôi nghĩ tại chú quá đau xót cho đồng đội, vì một mối chân tình không thể nào phôi phai nên chú đã ngầm trách oan tôi. Tôi cũng không ngờ chỉ thoáng gặp nhau trong chốc lát mà anh lại nặng tình với tôi đến dường này. Tự nhiên tôi có cảm giác ray rứt trong lòng với thương cảm miên man và nghĩ chắc mình không thể nào quên được mối ân tình này. Đường như tôi vừa có một tình yêu mới chớm nở....

- Cháu biết không? Chú chưa nói với cậu ấy là cháu từ chối. Trước khi đi công tác cậu ấy còn nhờ chú giúp. Chú không thể nào quên được đôi mắt ngược lên nhìn chú, cầu khẩn với chú. Cháu ơi!

Tôi bàng hoàng xúc động, ứa nước mắt. Rồi chú hỏi tôi có thăm An một lần hay không? Tôi vội thay bộ đồ đen, rồi đi cùng chú.

Đến nơi (nhà tang lễ), tôi thấy đèn sáng trưng (vì lúc ấy ngoài trời vừa chập choạng), nhưng không khí thì lương buồn ảm đạm vô cùng. Anh nằm đó trong hai lớp áo quan (*những quan tài đưa đi xa có bọc thêm lớp kẽm*). Trên quan tài có phủ lá cờ vàng ba sọc đỏ, tấm hình của anh phía trên đầu với nụ cười có chiếc răng khểnh, duyên ơi là duyên. Bát nhang đang khói nghi ngút, nhưng không có ai bên anh. Anh đơn độc một mình, không có ai bên cạnh trong giờ phút thể lương này, trong khi các quan tài khác đều có người thân ngồi bên, khóc rung rức. Tôi thấp thêm một cây nhang cắm vào rồi nghẹn ngào thì thầm cùng anh:

- Mai anh về quê bình an. Hẹn anh kiếp sau, kiếp sau anh nhé!

Tôi nhìn thấy cây nhang tôi vừa mới cắm. Hình như nó

đang lay động với tàn cong cong. Tôi mơ hồ liên tưởng anh đã chứng dám cho lời nói của tôi. Tôi cúi gục xuống bên quan tài. Chú tôi vội nói:

- Nơi này cháu không thể ở lâu được.

Trên đường về không ai nói với nhau tiếng nào, nhưng trong sâu thẳm trái tim, tôi âm thầm thổn thức tiếng lòng. Tôi nhìn lên nền trời đen thẫm có những ngôi sao hôm cô độc đang nhấp nháy. Bất giác hai giọt nước mắt từ từ lăn xuống má. Tôi liên tưởng đến anh với cảm giác đẫm buồn. Tôi về nhà không biết mình ngủ khi nào. Sáng ra lúc mười giờ tôi nghe có tiếng máy bay C130 lên xuống ầm ầm (*vì nhà tôi ở đầu sân bay*). Nhìn lên bầu trời có những đám mây trắng đang lạng lờ trôi về phương trời vô định, tôi nói trong nước mắt:

- Anh lên đường về quê hương an lành anh nhé.

Bây giờ đã hơn năm mươi năm qua nhưng mỗi lần tôi về Qui Nhơn, tôi thường khởi hành từ Pleiku lúc năm giờ sáng. Tôi đến đèo Mang Yang hơn sáu giờ. Lúc ấy sương mờ còn ngập ngừng giăng giăng khắp lối, vạn vật còn chìm đắm trong màn sương. Tôi mừng tượng linh hồn anh còn lẫn khuất đâu đây, giữa núi đồi khi rừng chiều tắt nắng.

Trên đường về khởi hành từ Qui Nhơn, tôi đến đèo Mang Yang lúc ba giờ chiều. Cũng hơn sáu giờ tôi nhìn lên bên trái là núi cao, bên phải là vực sâu, con đường chính giữa đèo dốc quanh co. Nơi đây là điểm phức kích lý tưởng cho chiến trường. Biết bao thanh niên ưu tú đã ngã xuống nơi này để lại những tiếc thương đau xót cho gia đình, bạn bè và người thân.

Rừng chiều âm u, mây mờ huyền ảo. Trong mơ ký ức mơ màng cũ kỹ của tôi lại khua lên tiếng thở dài ngậm ngùi, xót xa... Tôi mơ thấy thấp thoáng đoàn quân của anh giữa vùng núi non chập chùng hiu quạnh.

NHỚ NGƯỜI XƯA

Cẩm Tú Cầu 18/1

Chiều nay ngang qua đây
Nhớ người ngày xưa ấy
Đã ra đi nơi này
Chàng dẫn quân tiến bước
Mở con đường bình yên
Chàng đã bị phục kích
Tất cả đều tan tành

*Xác chàng rơi trên lá
Xác chàng vương trên hoa
Thắm sâu vào đất lạnh*

Những người đi nhặt xác
Gói lại một gói to
Dem về phân chia nhỏ
Bỏ vào cỗ áo quan
Gởi về quê xa lắc

*Có mẹ già tóc bạc
Ngày, ngày ngóng chờ con
Bây giờ con không còn
Nỗi đau đầy chất ngất*

Chiều nay ngang qua đây
Nhìn núi rừng âm u
Nhìn sương chiều vẩy phủ
Bóng đoàn quân thấp thoáng
Vọng tiếng than gió ngàn....



KÝ ỨC

TÂY NGUYÊN THỜI CHINH CHIẾN

Lê Quốc Toàn, K20

Tôi tốt nghiệp Khóa 20 trường VBQGVN, ra trường ngày 20/11/1965 và kết thúc đời binh nghiệp 30/4/1975. Vị chi tôi chỉ phục vụ vồn vẹn có 9 năm 7 tháng 10 ngày trong quân ngũ. Thật quá ngắn ngủi khi so sánh với chiều dài của chiến tranh Việt Nam! Tôi đã phục vụ tại Tây Nguyên, với chức vụ Sĩ Quan Kế Hoạch Hành Quân tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II (BTL/QĐ) đóng tại Pleiku hơn bảy năm. Vì thế, gần như trọn đời binh nghiệp của tôi gắn liền với rừng và núi của Vùng 2 Chiến Thuật. Tôi đã có biết bao kỷ niệm vui buồn nơi chốn này, trong đó những kỷ niệm về chinh chiến sâu đậm nhất, mà tôi còn giữ lại không thể nào quên. Đó là:

- Cái chết bi hùng của Tướng TRƯƠNG QUAN ÂN, Tư Lệnh Sư Đoàn 23 BB và phu nhân tại mặt trận Buprang-Đức Lập, Quảng Đức tháng 10/1968.

- Hy sinh của Trung Tá Nguyễn Đình Bảo, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù tại căn cứ Charlie ngày 12/4/1972.

- Cái chết bức tử của Đại Tá Lê Đức Đạt, Tư Lệnh Sư Đoàn 22 BB, tại căn cứ Tân Cảnh ngày 24/ 4/1972.

Trong loạt bài ký ức Tây Nguyên thời chinh chiến kỳ này, tôi viết về một sự kiện xảy ra sau khi Trung Tá Bảo tử thương tại căn cứ Charlie do một quả đạn pháo kích của Cộng Sản Bắc Việt đánh trúng hầm chỉ huy.

Trung Tá Bảo bị tử thương tại căn cứ Charlie chín giờ ba mươi phút sáng ngày 12 tháng 4 năm 1972. Vào lúc 4 giờ chiều cùng ngày tôi nhận được điện thoại của Đại Tá Lê Quang Bình, Tham Mưu Trưởng Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II



Đại Tá Lê Đức Đạt, Tư Lệnh Sư Đoàn 22 Bộ Binh, 1972.

lên Tổng Thống và Đại Tướng. Sẽ có máy bay mang về Sài Gòn trong chiều tối hôm nay.“

gọi tôi lên gặp ông gấp. Ông đã vắn tắt cho tôi biết:

- “Trung Tướng Ngô Du vừa nhận được điện thoại của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và Đại Tướng Cao Văn Viên gọi ra trách cứ là tại sao lực lượng Dù là một lực lượng dã chiến lưu động, mà lại xử dụng đống chốt gậy ra cái chết của Trung Tá Nguyễn Đình Bảo sáng hôm nay, tại căn cứ Charlie. Vậy nên chú (tức là tôi) viết ngay một bản phúc trình, để trình

Thoạt đầu tôi có chút đắn đo khi cầm bút viết văn bản này. Liệu tôi có đủ khả năng trình bày các sự kiện vừa mới xảy ra tại chiến trường một cách hợp lý ngõ hầu thuyết phục được thượng cấp hay không? Đây là một bài viết khá hóc búa so với các văn bản tôi đã viết, khi phục vụ dưới quyền nhiều đời tư lệnh. Nhưng nghĩ cho cùng vấn đề rồi cũng đơn giản thôi. Tôi cho rằng dựa vào tình hình Ta và Địch lúc bấy giờ, mà vị tư lệnh chiến trường tối cao là Trung Tướng Ngô Du đã chỉ thị, cho lực lượng trực tiếp dưới quyền và các đơn vị tăng phái là

một lệnh hành quân tối ưu dựa vào 3 điểm mấu chốt sau đây:

1* Muốn giữ được Võ Định, Phượng Hoàng, Tân Cảnh, và cả Kontum thì ta phải giữ vững các cứ điểm án ngữ địch, từ phía Tây đường mòn Hồ Chí Minh đánh xuống, trong đó có cứ điểm Charlie.

2* Địch đông hơn ta một chọi năm, vũ khí cũng tối tân hơn ta. Muốn thắng địch ta phải có kế hoạch.

3* Theo kế hoạch đó, bên ta phải có lực lượng tinh nhuệ vừa bám trụ tại các cứ điểm then chốt nêu trên, vừa để bảo vệ Dakto-Tân Cảnh, mà vừa dụ địch dồn quân bám vào các cứ điểm đó, rồi sẽ dùng hỏa lực B52 tiêu diệt chúng. Lực lượng tinh nhuệ đó chính là Lữ Đoàn 2 Nhảy Dù được tăng phái.

Ba điểm chính nêu trên cũng là bố cục bài tôi sẽ viết trình lên Tổng Thống Thiệu buổi chiều hôm đó. Tôi đã viết bằng tấm lòng tri ân và vô cùng cảm phục các chiến sĩ Dù đã bỏ mình vì Tổ Quốc trên căn cứ Charlie. Tôi viết bằng tất cả những hiểu biết tôi có được trong nhiệm vụ theo dõi các trận đánh của một sĩ quan Kế Hoạch Hành Quân, trực thuộc Phòng 3 Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II.

1. Vào đề từ phần một, tôi viết:

”Thưa Tổng Thống,

Cộng Sản Bắc Việt âm mưu chiếm cho bằng được cao nguyên Việt Nam. Vấn đề là chúng sẽ thực hiện ý định này sớm hay muộn mà thôi. Đó là chủ trương chính của Tướng CSBV Võ Nguyên Giáp, cũng như của Bộ Chính Trị của Đảng Cộng Sản Bắc Việt, vì ai cũng biết cao nguyên là là điểm chiến lược quan trọng, là điểm chính quyết định kết quả của chiến tranh Việt Nam. Ai làm chủ cao nguyên ắt làm chủ Nam Việt Nam, chiếm được nơi này ắt chiếm được toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Nếu chúng ta giữ vững được cao nguyên thì tất cả âm mưu xâm lăng của CSBV sẽ bị bẻ gãy.

Ngày hôm nay (tháng 4/1972) CSBV đang thực hiện ý định

đó. Vì thế, chúng đã nhanh chóng điều động Sư Đoàn 320 từ Thanh Hóa vào căn cứ 609 Tam Biên, phối hợp tác chiến cùng với mặt trận Quảng Trị và Bình Long do chúng phát động.

Cùng thời gian, chúng điều động thêm Sư Đoàn 2 Sao Vàng cùng thiết đoàn chiến xa T54 hiện diện tại khu vực. Chưa kể chúng có một trung đoàn pháo binh và một trung đoàn phòng không đã có mặt tại chỗ. Để thực hiện canh bạc này, CSBV đã trao cho Đại Tướng CS Hoàng Minh Thảo, Tư Lệnh Mặt Trận B3 vùng ba biên giới thi hành. Lần đầu tiên, CSBV sử dụng thiết giáp T54 (tương đương chiến xa M48 của Hoa Kỳ) và hỏa tiễn Sagger mà ta gọi AT3 (tương đương hỏa tiễn TOW của Hoa Kỳ) tại chiến trường này.

Về phía ta tại chỗ: Trước hết có lực lượng diện địa gồm Địa Phương Quân và Nghĩa



Trung Tá Nguyễn Đình Bảo, người ở lại Charlie, 1972 (bên phải).

Quân của các chi khu Ngọc Hồi, Võ Định, Tân Cảnh. Để đối phó với Sư Đoàn 320 CSBV, Tướng Ngô Du điều động Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 22 BB, cùng với hai trung đoàn, cùng thiết giáp và pháo binh cơ hữu lên Tân Cảnh. Ngoài ra còn có Liên Đoàn 2 Biệt Động Quân tăng cường. Tuy thế so với lực lượng địch tại chỗ ta phải một chọi năm, chưa kể vũ khí của địch tối tân hơn ta rất nhiều.

Trước tình hình lực lượng ta và địch chênh lệch như thế, và biết được quyết tâm chiếm bằng được Đakto – Tân Cảnh và cả cao nguyên Trung Phần của CSBV, nên trong hạ tuần tháng 3/1972 Đại Tướng Cao Văn Viên vội tăng cường cho Tướng Ngô Du Lữ Đoàn 2 Dù, do Đại Tá Trần Quốc Lịch làm Lữ

Đoàn Trưởng. Tướng Ngô Du liền điều động Lữ Đoàn 2 Dù tiến chiếm các cứ điểm nằm trên dãy đồi phía Tây Kontum, tạo thành tuyến phòng thủ cánh quạt gồm các căn cứ Alfa - Yankee - Charlie - Delta - Hotel -Metro. Các cứ điểm chiến lược này còn là tuyến phòng thủ ngoại vi bảo vệ Tân Cảnh - Phụng Hoàng, ngăn chặn lực lượng CSBV từ Mật Khu 609 vùng Tam Biên đánh xuống.”

* Sau phần trình bày lên Tổng Thống về tình hình địch bạn, và so sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch như tóm tắt ở trên, tôi viết tiếp:

“Thưa Tổng Thống,

Cộng Sản Bắc Việt quyết tâm đánh thắng ta để chiếm bằng được Đakto - Tân Cảnh. Phía ta cũng đã có kế hoạch tiêu diệt các binh đoàn của chúng, dù xét về lực lượng ta yếu hơn địch. Chiến lược của ta là chúng ta sẽ dụ địch tập trung quân tấn công biển người lên các cứ điểm cánh quạt nêu trên. Ngay sau đó, ta điều động pháo đài bay chiến lược B52, phi cơ cùng pháo binh chiến thuật tiêu diệt chúng. Kế hoạch này đã được Trung Tướng Ngô Du và Cố Vấn Trưởng Quân Đoàn II John Paul Van manh nha trước đó hai tháng, ngay khi được tin tình báo cho biết Sư Đoàn 320 CSBV từ Thanh Hóa sẽ được điều động vào Vùng 2 mở chiến dịch “đánh chiếm Đakto - Kontum, rồi làm chủ Tây Nguyên.”

Tôi viết tiếp,

“Thưa Tổng Thống,

Để thực hiện ý định trên, Trung Tướng Ngô Du đã điều động Lữ Đoàn 2 Nhảy Dù đóng chốt tại các cứ điểm cánh quạt, vì chỉ có lực lượng Dù mới có đủ bản lĩnh thi hành nhiệm vụ này, vừa dụ địch vào tử huyệt vừa tạo thành gọng kìm sắc bảo vệ Đakto-Tân Cảnh, trong đó Tiểu Đoàn 11 Dù được lệnh đóng chốt căn cứ CHARLIE.”

Sau đó, tôi trình sơ lược lên Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu về trận đánh tại căn cứ Charlie và cái chết của Trung Tá

Nguyễn Đình Bảo sáng ngày 12/4/72.

“Trưởng CSBV Hoàng Minh Thảo sử dụng 2 trung đoàn của Sư Đoàn 320 cùng một trung đoàn pháo và một trung đoàn phòng không bao vây, hòng dứt điểm căn cứ Charlie của Tiểu Đoàn 11 dù do Trung Tá Nguyễn Đình Bảo chỉ huy. So sánh tương quan lực lượng, một binh sĩ Dù phải chọi với sáu lính Bắc Việt.

Ngày 7/4/1972, CSBV bắt đầu mở trận đánh thăm dò vào căn cứ, đồng thời pháo kích, nhưng ở mức độ nhẹ. Mỗi ngày chúng pháo kích khoảng chừng 100 quả vào Charlie, phần lớn là hỏa tiễn 122 ly cộng với 5-10 quả 130 ly, mục đích điều chỉnh tác xạ vào căn cứ.

Qua ngày 8/4/1972, chúng ta phát giác CSBV dàn trận địa phòng không, khoảng 10 vị trí quanh căn cứ Charlie, chế ngự trực thăng tiếp tế tàn thương của ta. Pháo binh 120 ly và 130 ly của chúng đã được hiệu chỉnh, sẵn sàng pháo kích vào Charlie.

Từ ngày 1 đến ngày 8/4/1972 chưa có một box B52 nào thả lên đầu địch như đã hứa. Với tình hình đó, Tiểu Đoàn 1 Pháo Binh Dù do Thiếu Tá Bùi Đức Lạc Tiểu Đoàn Trưởng, dùng đại bác 105 ly đồng loạt bắn lên đầu địch thay thế box hỏa lực của B52 trong trường hợp khẩn thiết. Sáng ngày 8/4/1972 đã có các cuộc chạm súng ngoại vi vòng đai phòng thủ Charlie.

Ba ngày kế tiếp địch dùng chiến thuật tiền pháo hậu xung đánh vào căn cứ nhưng trước sức kháng cự dũng mãnh của Tiểu Đoàn 11 Dù, và hỏa tập vũ bão và chính xác 105 ly của Tiểu Đoàn 1 Pháo Binh Dù, địch quân bị tổn thất nặng không dứt điểm được Charlie. Vì thế, hai ngày kế tiếp, ngày 11/4/72 và 12/4/72, Cộng quân thay đổi chiến thuật, pháo kích vũ bão vào Charlie với hàng ngàn quả đạn 130 ly + 120 ly và hỏa tiễn đủ loại vào các cứ điểm 960, 1020, và 1050 thuộc hệ thống phòng thủ của căn cứ. Sáng ngày 12/4/1972, Cộng quân tiếp tục pháo kích nặng nề vào căn cứ, trong đó có loại đạn nổ chậm (*loại đạn này không một hệ thống phòng thủ nào chịu*

nổi).

Lúc 9 giờ ba mươi phút, một quả đạn loại này đánh trúng hàm chỉ huy của Trung Tá Bảo, vì thế ông bị tử thương tại chỗ. Tổ Quốc mất đi một người con thân yêu, đồng đội mất đi một chiến sĩ can trường!

Thiếu Tá Lê Văn Mễ, thay thế Trung Tá Bảo chỉ huy tiêu đoàn, cùng các đơn vị dưới quyền tiếp tục giữ vững căn cứ. Cho đến ngày 14/ 4/ 1972, Ba tiểu đoàn Cộng Sản Bắc Việt, tràn lên hòng đánh chiếm căn cứ, đã bị 6 chiếc B52 xuất trận dội hàng ngàn tấn bom. Cộng quân tan nát dưới trận mưa bom kinh hoàng này. Cùng lúc đó, các binh sĩ Dù thuộc Đại Đội 112 cũng đã được lệnh rút khỏi căn cứ, di chuyển xuống đến chân núi.”

Để kết thúc bài tường trình lên Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, tôi viết:

”Về tương quan lực lượng, ta yếu hơn địch. Chúng ta thua về cả quân số lẫn vũ khí. Nhưng so với ý chí chiến đấu bất khuất của binh sĩ ta, đặc biệt của Tiểu Đoàn 11 Dù, thì ta mạnh hơn địch gấp bội. Tiểu Đoàn 11 Dù bị tổn thất nặng, nhưng tổn thất của Sư Đoàn 320 của CSBV ít nhất bị phải gấp bội ta, nhất là số thương vong của hai trung đoàn địch tham gia đánh vào căn cứ Charlie.“

Thay lời kết. Sau này tôi tình cờ đọc được nhật ký của Tướng CSBV Khuất Duy Tiến, Trung Đoàn Trưởng của Trung Đoàn 64 thuộc Sư Đoàn CS320, đã tham gia đánh chiếm căn cứ Charlie cho biết rằng trong trận đánh, Cộng quân bị tổn thất nặng nề, với hơn 800 nhân mạng tử thương. Trận đánh đó đã xảy ra vô cùng khùng khiếp và bi hùng!

PORTLAND-OREGON, ngày 12/4/2019

THƠ CUNG TRẦN TƯỜNG

Qua Từng Giai Đoạn Cuộc Đời

Bắc Đẩu Võ Ý, K17

Từ một thanh niên du học Pháp đến một “quan văn” tại Bộ Tư Lệnh KQ, từ một tù nhân chính trị sau 30/04/75 đến một người Việt lưu vong, tính chất thơ của Cung Trần Tường cũng biến thiên theo năm tháng.

Trước 1975 và ngày nay hầu như ai ai cũng thuộc mấy câu “lên xe tiễn em đi chưa bao giờ buồn thế,” qua đó, nét tiêu biểu của thơ Cung Trần Tường trước 1975 là tính lãng mạn trữ tình và tính cách tân, hòa quyện với nhau, như:

Mùa Thu Paris/ Trời buốt ra đi/ Hẹn em quán nhỏ/ Rung rung rượu đỏ tràn ly.

Hoặc:

Thôi em xanh mắt bỏ câu/ Vàng tơ sợi nhỏ xin hầu kiếp sau.

Nét “cách tân” được Cung Trần Tường mang về sau khi ông tốt nghiệp kỹ sư trường Không Quân tại Pháp. Dù vậy, ông vẫn không quên những thành ngữ chữ Hán của người xưa như: “tam thập nhi lập, thất thập cổ lai hy”, v.v...

Thử điểm nét tiêu biểu thơ của Cung Trần Tường qua từng giai đoạn cuộc đời, từ cậu học trò mười tám đôi mươi của núi

Nùng sông Nhị, về Nam tâm sự, đến lão ông tuổi 80 ly hương xứ Vạn Hồ nước Mỹ.

Tuổi Thiếu Niên: Chàng trai Hà Nội, mới 16 tuổi, vậy mà, hồn thơ “như cái đĩa thâu thanh” đã phát tiết ra ngoài sứ mạng của thi nhân:

*Tuổi lợt trai tân còn hỏi sách/ Tôi ngày bập bẹ nhớ và thương.
Rượu người mặn ngọt hay mơ đắng?/ Dò dẫm chân đi chữa
biết đường.*

Tuổi 30, tam thập nhi lập, là sĩ quan Không Quân, đẹp trai, Tây học lại là thi sĩ, nếu mỹ nữ không liếc mắt đưa tình thì cũng được chàng thi sĩ mê đắm tôn vinh:

*Từ ấy tôn vinh thần Vệ Nữ/ Tóc vàng màu rạ, dáng mình dây.
Xin quỳ bốn vái và ba lạy/ Trả trọn mây mưa xuống vện đầy.*

...

*Cứ thế ngày đi và tháng tới/ Yêu người yêu đến cả tình yêu.
Sông sâu, nước rộng, dài nhưng nhớ/ Em choán hồn anh đủ
bốn chiều.*

Tuổi 40, nhi bất hoặc, nghĩa là đã đầy đủ phù phép nên làm gì cũng chín chắn, kể cả khi mời “cháu gái” vào vũ trường:

*Tuổi dất mây đi, dịu nắng tới/ Cái nhi bất hoặc quán lên đầu,
Tôi đi thu nghiệm thêm màu phép/ Niu giữ mặt trời đứng ngo
lâu.*

...

*Hãy giữ tình đi cho đúng bước/ Như hồng má phớt chút mưa
qua
Như môi pha thoáng màu sâu lự/ Phảng phát hương ngâu
trước thềm nhà.*

Tuổi 50, di nhĩ thuận, mọi việc bỏ ngoài tai, nhẫn nhịn cho yên chuyện. Nhưng với nhà thơ thì ở tuổi này, ông đam mê nghiên, nghiên *đắm đuối* men tình yêu:

*50 tuổi dấy lên tàn lửa/ Nhấp chút men tình, chuốc lấy say,
Cái tuổi ba giờ trưa vẫn nắng/ Có lời tâm sự gửi thời gian.*

...

*Em có nghe rơi thắm dạ khúc/ Vui giờ mà róm lệ ngày sau
Yêu nay nhớ để dành lưu luyến/ Chờ hứng cho hay cái kết sầu.*

...

*Đến nắm tay nhau truyền ấm áp/ Tôi làm chiếc ghé lót trắng
đêm*

Mời cô ngồi xuống nồng hơi lụa/ Để đá như da cũng biết mềm.

Tháng 4 đen, nhà thơ và phần lớn đồng đội của ông bị đẩy vào nhà tù Cộng Sản. Cung Trầm Tưởng bị tù khổ sai 10 năm, ra tù năm 53 tuổi. Từ một Trung Tá Không Quân, Trưởng Phòng Kế Hoạch Hành Quân thuộc Bộ Tư Lệnh Không Quân, nay nếm mùi tù đầy và chính sách trả thù của Cộng Sản, ông thấy rõ bạo tàn của chế độ đối với người dân miền Nam như bóc lột, đổi tiền, phân



biệt lý lịch, hà hiếp vợ con của Quân Cán Chính VNCH, thơ ông bắt đầu nhả đạn vào bè lũ vô đạo này:

*Có sông nhưng mà người không nước/ Nước bán son rồi, bán
lấy chi?*

Một núi hư vô làm chủ thuyết/ Bốn bên mây phủ kín màu chì.

...

*Nó cõng vua Lê và chúa Mác/ Về quê cha giết mẹ hiền lành
Tang sô bạc xóa đầu con trẻ/ Cỏ ngút sân trường, chợ vắng tanh.*

*Một bầy táng tận lương tâm/ Ăn hò, ăn giẻ, ăn vắn ngày công
Ăn tranh trẻ đói lợt lòng/ Ăn lường tiếng khóc khép vòng tử
sinh*

...

Nóng đôn lý lịch ly kỳ/ Cha là “ngụy”, phạm trường quy con

rồi.

Nộ Thi (43 – 53 tuổi, trong tù)

Với 10 năm tôi luyện trong ngục tù của quỷ, đã biến Cung Trầm Tưởng thành một lão tướng trên trận địa quan điểm và chữ nghĩa. Giai đoạn này, thơ ông biểu hiện nổi uất hận chế độ bạo ngược (Lời Viết Hai Tay, được đồng đội gọi là Nộ Thi), bằng cách vạch mặt sự tuyên truyền bịp bợm của Cộng Sản và Nộ Thi quyết một mất một còn với cái ác qua lập trường quốc gia dân tộc:

*Bài học rút ra thật dứt khoát/ Nó, tôi chẳng thể đội chung trời.
Nó còn tôi mất, đơn sơ vậy/ Nó mất tôi còn, chỉ thế thôi.*

...

*Hãy chặt chặt sâu, tông phất phất
Hãy phang phang gắt, quắm ào ào.
Mai về đạn nháy ngay nòng súng/ Trục chỉ đầu thù nổ thật mau!*

...

*Mai sau thịt thắm da liền/ Cái yêu khác trước, cái nhìn khác xưa,
Cái tin vô có xin chừa/ Sống sao cho xứng lũy thừa thương đau.*

Giai Đoạn Lưu Vong (1993 -) (61 – 87 +)

Cung Trầm Tưởng và gia đình định cư ở Mỹ năm 1993, năm ông 61 tuổi. Khi bước vào tuổi **thất thập** và **bát tuần**, lòng ông vẫn nồng nàn yêu thương và mong muốn trải rộng yêu thương khắp nhân loại khắp địa cầu, núi non sông nước, cây cỏ chim muông:

Nghe châu Mỹ, ngóng châu Âu/ Dưỡng nuôi nhân bản, đỡ đầu hành tinh.

...Khảng khiu một nhánh xương rồng/ Giữa sa mạc cát vẫn nồng nhựa say.

Đã ngoài 80, ông vẫn trân trọng một “luyện ái quan không tuổi”:

*Mỗi lần nói thương nhau/ Là cách tân ngôn ngữ.
Anh trẻ ra trăm tuổi/ Khi em nói yêu anh.*

Cũng ở tuổi này, thi nhân trau chuốt “Một Tiếng Hát Ưu Lương” vì ông khẳng định, “thi nhân là con cách riêng của Thượng Đế”, mang sứ mạng xuống trần gian để tô điểm cuộc đời. Đã là con thì mỗi người có mỗi cách báo hiếu cho cha mình. Lễ vật báo hiếu độc đáo của thi nhân là *những vần linh thi ưu lương điểm lệ uyên áo và hùng vĩ* do mình sáng tác để dâng lên Ngài.

Đời sau này có tiếng hát ưu lương/ Cát từ miệng chàng thi nhân hiếu tử.

Kể từ đó, trên phong nhiều Trái Đất/ Những mùa vàng ử đợi cuối đường hoa.

Không gian xanh gió lộng, nắng chan hòa/ Giục già bước người đi làm lịch sử.

Kết Luận: Người đi làm lịch sử phải là một chính nhân quân tử. Người quân tử như cây trúc, tiết trực tâm hư. Ở rừng núi Hoàng Liên Sơn có cây “Vầu”, cùng họ với tre, nứa và trúc. Hàng ngàn năm qua, Vầu sống âm thầm trong rừng già Việt Bắc, bỗng sau ngày 30/04/1975, cây Vầu đi vào thơ của Cung Trầm Tưởng qua bài Biểu Tượng mà tôi vẫn thuộc lòng sau hơn 40 năm:

*Cực hình thú ác gây nên/ May bằng nứa tép đứng bên Vầu già
Mỗi ngày Vầu mỗi cứng ra/ Đổi thay lá mới, đậm đà lông tươi
Vầu danh như thép sáng ngời/ Nắng mưa thì cũng chọn đời
đứng ngay.*

Và đó là bóng dáng và nhân cách qua thơ của một sĩ quan Không Quân, là chiến sĩ của Quân Lực VNCH, thi sĩ Cung Trầm Tưởng!

CA, Thu 2019

Tình Yêu và Chiến Dịch

(Viết để hồi tưởng quá khứ và riêng tặng các bạn
Khóa 19 Nguyễn Trãi.)

Nguyễn Trần, K19



Anh nhớ mỗi phút giây buồn ly biệt
thương hẹn về cố lý để thăm em
chiều tàn Thu hay một sớm vào Đông
nhưng chiến dịch ngày qua ngày tiếp nối.

Anh chưa về cho em buồn trông đợi
giữa vườn Thu đón lá rụng một mình
lá vàng rơi trên áo trắng nguyên trinh
không ai nhật để làm thơ trao tặng.

Anh chưa về, em một mình câm lặng
nhìn mưa rơi qua song cửa chờ mong
thời gian trôi đã gần giữa mùa Đông
anh chưa về cho em buồn thương nhớ.

Hai đứa chúng mình giờ đây cách trở
nhưng yêu nhau em gắng đợi chờ nghe
dứt lửa binh anh sẽ trở lui về
chờ mong đó anh hứa đèn đờng khóc.

Khánh yêu ơi, quê hương mình tang tóc
anh còn đi cho cách biệt dài thêm
chớ buồn chi khi lá rụng bên thềm
đừng lo nhé khi Đông về buốt giá

(Trên bước đường hành quân)

* Trích trong HỒI TƯỞNG.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Yểm Trợ ĐẠI HỘI VÕ BỊ TOÀN THẾ GIỚI KỲ THỨ XXII

Ngày 26, 27, và 28 tháng 6 năm 2020

Để có đủ tài chính tổ chức Đại Hội Võ Bị Toàn Thế Giới Kỳ Thứ XXII, Ban Tổ Chức Đại Hội đã phát động đợt quyên tiền yểm trợ Đại Hội XXII, bắt đầu từ đầu tháng 11 năm 2019. Chỉ trong một thời gian ngắn, chúng tôi đã được các NT, các phu nhân và các anh chị thuộc gia đình CSVSQ và TTNDH nhiệt tâm ủng hộ. Cho đến nay, quỹ yểm trợ Đại Hội XXII đã ghi nhận như sau:

Hứa yểm trợ: 33,184\$

Đã nhận: 30,454\$

**Tổng số: 267 người và khóa, liên hội, và hội đã hứa
ủng hộ.**

Danh sách yểm trợ thường xuyên được cập nhật trên group cũng như trên các trang web của Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN.

Muốn xem trực tiếp, xin vào website của Tổng Hội Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tại:

<http://tvbqgvn.org/>

Sau đó click vào Đại Hội Võ Bị XXII (phía trên, bên phải).

Đối với số tiền ủng hộ khác với Mỹ Kim, chúng tôi đã chuyển ra theo hồi xuất lúc bấy giờ. Trong phần báo cáo, chúng tôi đã làm tròn các con số lẻ (lên hoặc xuống).

Con số vừa rồi chỉ là số tạm thời. Tổng kết cuối cùng sẽ được báo cáo trong phần tài chánh của Tập San Đa Hiệu 119, phát hành vào trung tuần tháng 5, 2020.

Trân trọng cảm ơn quý vị.

Ngày 15 tháng 12 năm 2019.

Phó Trưởng Ban Tài Chánh

Phan Văn Lộc, K30

Phó Trưởng Ban Tổ Chức

Phụ Trách Nội Vụ

Hoàng Như Cầu



Sức Khỏe Dồi Dào!

CSVSQ & THÂN HỮU YẾM TRỢ ĐA HIỆU II7



(Tính tới ngày 1 tháng 12 năm 2019)

Số TT	Họ & Tên	Khóa/ Thân Hữu	Số Tiền	
1	Mrs. Hoàng Xuân	Lãm	3	100
2	Mr. Nguyễn Văn	Lợi	3	50
3	Mrs. Tạ Thái	Bình	4	40
4	Mr. Bùi	Trâm	5	40
5	Mr. Phạm Văn	Hải	6	50
6	Mr. Trần Đắc	Marcel	6	100
7	Mr. Huỳnh Thanh	Tâm	6	30
8	Mr. Trương Minh	Tâm	7	50
9	Mr. Lò Cẩm	Bảo	8	30
10	Mr. Diêu Ngọc	Chánh	8	30
11	Mrs. Bùi Kim	Kha	8/1	30
12	Mr. Trần	Kiên	8	30
13	Mrs.	Mạnh	13/1	56
14	Mr. Lợi Nguyễn	Tấn	8	30
15	Mr. Dương Đình	Bộ	10	30
16	Mr. Lê Bá	Đô	10	30
17	Mr. Trần	Dương	10	300
18	Mr. Huỳnh Đạt	Kính	10	30
19	Mr. Nguyễn	Lộc	10	50
20	Mr. Phạm Văn	Môn	10	30
21	Mr. Phạm Thế	Phiệt	10	50
22	Mr. Nguyễn Đạt	Phong	10	30
23	Mr. Dương Cao	Sơn	10	50
24	Mrs. Nghiêm Viết	Thành	10/1	30

25	Mr.	Vĩnh	Thành	10	50
26	Mr.	Nguyễn Vĩnh	Thiệp	10	30
27	Mr.	Lê Tất	Biên	10	40
28	Mrs.	Lê Văn	Hiền	10	50
29	Mr.	Lê Văn	Tâm	11	30
30	Mr.	Vũ Ngọc	Thành	11	20
31	Mr.	Trương Minh	Ngộ	11	20
32	Mr.	Trần Văn	Cao	12	20
33	Mr.	Dương Văn	Chương	12	30
34	Mr.	Nguyễn Công	Luận	12	100
35	Mr.	Trương Đình	Nuôi	12	30
36	Mr.	Lê Bá	Trị	12	50
37	Mr.	Nguyễn Đức	Vỵ	12	20
38	Mr.	Nguyễn Văn	Bông	13	50
39	Mr.	Nguyễn Quốc	Đổng	13	100
40	Mr.	Đỗ Huy	Huệ	13	30
41	Mr.	Nguyễn Khắc	Lâm	13	100
42	Mr.	Đặng Ngọc	Minh	13	30
43	Mr.	Trần Thanh	Mỹ	13	50
44	Mr.	Phan Văn	Ánh	14	30
45	Mr.	Trần Tiến	Đạo	14	30
46	Mr.	Bửu	Khải	14	30
47	Mr.	Trần Quang	Minh	14	20
48	Mr.	Phạm Văn	Phước	14	20
49	Mr.	Nguyễn Phúc	Hiệp	15	50
50	Mrs.	Nguyễn Trọng	Mạc	15/1	50
51	Mr.	Hồ Khắc	Đàm	16	100
52	Mr.	Phạm Minh	Đức	16	50
53	Mr.	Lục Sĩ	Đức	16	50
54	Mr.	Hồng Ngọc	Hình	16	50
55	Mr.	Lê Quang	Lộc	16	40
56	Mr.	Đình Văn	Mễ	16	50
57	Mr.	Nguyễn Như	Phú	16	20
58	Mr.	Nguyễn Đăng	Thục	16	30

59	Mr.	Thái Ồi	Xiêng	16	50
60	Mr.	Đình Ngọc	Ban	17	50
61	Mr.	Bùi Đức	Cẩn	17	50
62	Mr.	Nguyễn Tiến	Dững	17/2	50
63	Mr.	Vũ Khắc	Huy	17	40
64	Mr.	Nguyễn Văn	Kiên	17	30
65	Mrs.	Nguyễn Duy	Long	17/1	20
66	Mr.	Võ Văn	Sung	17	50
67	Mr.	Nguyễn Xuân	Tám	17	20
68	Mrs	Trần Minh	Vũ	17/1	30
69	Mr.	KHÓA 17			200
70	Mr.	Nguyễn	Bê	18	40
71	Mr.	Trần Văn	Cẩn	18	50
72	Mr.	Vũ Văn	Định	18	20
73	Mr.	Tôn Thất	Đường	18	30
74	Mr.	Huỳnh Văn	Giai	18	50
75	Mrs	Quách Xuân	Hương	18/1	50
76	Mr.	Nguyễn Văn	Lành	18	50
77	Mr.	Nguyễn Khoa	Lộc	18	30
78	Mr.	Bùi Văn	Miêu	18	30
79	Mr.	Phạm	Tần	18	100
80	Mr.	Nguyễn Thành	Thăng	18	30
81	Mr.	Nguyễn Văn	Thiệt	18	100
82	Mr.	Hoàng Xuân	Thời	18	30
83	Mrs	Trần	Toán	18/1	60
84	Mr.	Trịnh Bá	Tứ	18	50
85	Mr.	Nguyễn Ngọc	Nam Cường	19	50
86	Mr.	Vũ Cao	Đà	19	30
87	Mr.	Đỗ	Đặng	19	30
88	Mr.	Võ	Dao	19	30
89	Mrs.	Huỳnh	Dung	19/2	50
90	Mrs.	Trần Thiện	Đầu	19/1	30
91	Mr.	Nguyễn Vĩnh	Giám	19	56
92	Mr.	Ngô Văn	Giau	19	40

93	Mr.	Hồ Văn	Hạc	19	30
94	Mr.	Chu Văn	Hải	19	30
95	Mr.	Nguyễn Đình	Hạnh	19	500
96	Mr.	Nguyễn Khắc	Hiếu	19	40
97	Mr.	Nguyễn Khắc	Huệ	19	30
98	Mr.	Vũ Đình	Khang	19	20
99	Mr.	Phạm Kim	Khôi	19	20
100	Mr.	Đặng Đình	Liêu	19	50
101	Mr.	Nguyễn Anh	Linh	19	50
102	Mr.	Nguyễn Anh	Linh	19	30
103	Mr.	Nguyễn Bá	Luân	19	35
104	Mr.	Bùi Đức	Lưu	19	100
105	Mr.	Phạm Thi	Minh	19	100
106	Mr.	Đỗ Văn	Mười	19	50
107	Mr.	Lê Kim	Ngọc	19	25
108	Mr.	Nguyễn	Nho	19	50
109	Mr.	Huỳnh Văn	Phú	19	30
110	Mr.	Trịnh Đức	Phương	19	30
111	Mr.	Lâm Văn	Rót	19	56
112	Mr.	Kâng Tum	Sơn	19	30
113	Mrs.	Huỳnh Tammy		19/2	50
114	Mr.	Nguyễn Phước	Tây	19	30
115	Mr.	Nguyễn Phước	Tây	19	30
116	Mrs.	Hoàng Gia	Thái	19/1	30
117	Mr.	Nguyễn Xuân	Thi	19	30
118	Mr.	Phan Văn	Thìn	19	50
119	Mr.	Hồng Khắc	Trần	19	100
120	Mr.	Trần Kim	Bảng	20	20
121	Mr.	Thái Minh	Hoàng	20	20
122	Mr.	Hoàng Như	Liêm	20	50
123	Mr.	Lê Ngọc	Rạng	20	30
124	Mr.	Trương Văn	Vân	20	40
125	Mr.	Nguyễn Văn	Vọng	20	20
126	Mr.	Hoàng Đăng	Xứng	20	30

127	Mr.	Nguyễn Công Bình	21	50
128	Mr.	Nguyễn Như Chương	21	20
129	Mr.	Hồ Tấn Đạt	21	30
130	Mr.	Nguyễn Văn Đông	21	50
131	Mr.	Phạm Quang Hậu	21	50
132	Mr.	Võ Minh Hòa	21	100
133	Mr.	Đỗ Duy Hùng	21	50
134	Mr.	Lê Thắng	21	50
135	Mr.	Hồ Thiêm	21	20
136	Mrs.	Nguyễn Thị Thọ	19/1	30
137	Mr.	Nguyễn Ngọc Tùng	21	86
138	Mr.	Lạc Minh Châu	22	50
139	Mr.	Trần Kim Danh	22	40
140	Mr.	Huỳnh Văn Đức	22	65.61
141	Mr.	Nguyễn Tấn Hùng	22	30
142	Mr.	Trương Văn Phở	22	30
143	Mr.	Trương Văn Tăng	22	50
144	Mr.	Phạm Quang Thành	22	40
145	Mr.	Đặng Trọng Thịnh	22	50
146	Mr.	Dương Hiền Tông	22	50
147	Mr.	Bùi Trần	22	30
148	Mr.	Phạm Văn Chấn	23	30
149	Mr.	Vương Chước	23	100
150	Mr.	Lê Hồng Hải	23	65.61
151	Mr.	Lê Hoành	23	50
152	Mr.	Tăng Khải Minh	23	30
153	Mr.	Trần Văn Thiệt	23	30
154	Mr.	Nguyễn Văn Tông	23	30
155	Mr.	Trần Văn Ty	23	30
156	Mr.	Trần Minh Chánh	24	30
157	Mr.	Phan Thế Thiệp	24	30
158	Mr.	Phùng Hữu Châu	25	50
159	Mr.	Trần Đức	25	25
160	Mr.	Nguyễn Em	25	50

161	Mr.	Cao Văn	Hải	25	50
162	Mr.	Đặng Văn	Khanh	25	100
163	Mr.	Đặng	Khoa	25/2	56
164	Mr.	Lê Khắc	Phước	25	50
165	Mr.	Trần Văn	Răng	25	131.22
166	Mr.	Võ Văn	Xuyên	25	50
167	Mr.	Phạm Thanh	Bình	26	25
168	Mr.	Lương Hồng	Khiêm	26	100
169	Mr.	Nguyễn Văn	Lượng	26	100
170	Mr.	Nguyễn Đăng	Mộc	26	112
171	Mr.	Nguyễn Văn	Ngọc	26	11.2
172	Mr.	Lý Bảo	Nhơn	26	22.4
173	Mr.	Nguyễn Thiện	Nhơn	26	56
174	Mr.	Lê Văn	Thanh	26	56
175	Mr.	Vũ Thế	Thủ	26	30
176	Mr.	Vũ Đức	Thuận	26	30
177	Mr.	Trần Hữu	Hạnh	27	22.4
178	Mr.	Nguyễn Đình	Huy	27	100
179	Mr.	Châu	Lân	27	30
180	Mrs.	Nguyễn	Diana	27/1	20
181	Mr.	Trần Trí	Quốc	27	100
182	Mr.	Lê Minh	Tuấn	27	22.4
183	Mr.	Châu Thiết	Lập	28	22.4
184	Mr.	Ngô Tiến	Lập	28	65.61
185	Mr.	Nguyễn Trung	Long	28	100
186	Mr.	Trương Thanh	Minh	28	56
187	Mr.	Trần Quang	Minh	28	40
188	Mr.	Nguyễn Quý	Ngân	28	22.4
189	Mr.	Phạm Công	Thành	28	100
190	Mr.	Nguyễn Văn	Viễn	28	50
191	Mr.	Nguyễn Phúc	Ân	29	65.61
192	Mr.	Tsu A	Cầu	29	100
193	Mr.	Phùng Tít	Cháng	29	100
194	Mr.	Đỗ Trọng	Đạt	29	50

195	Mr.	Hồ	Đề	29	67.2
196	Mr.	Đặng Công	Đoàn	29	56
197	Mr.	Đỗ Trọng	Kiên	29	50
198	Mr.	Phạm Tấn	Lộc	29	20
199	Mr.	Đặng Văn	Luận	29	100
200	Mr.	Nguyễn Sanh	Phương	29	65.61
201	Mr.	Võ Văn	Thắng	29	25
202	Mr.	Phan Văn	Thọ	29	40
203	Mr.	Nguyễn Đình	Tinh	29	100
204	Mr.	Nguyễn	Trữ	29	50
205	Mr.	Phan Văn	Ý	29	50
206	Mr.	Võ	Nuôi	30	65.61
207	Mr.	Nguyễn Hào	Kiệt	VHV	50
208	Mr.	Nguyễn	Liêm	VHV	100
209	Mr.	Hà Đức	Bản	TH	55
210	Mr.	Đỗ Kim	Bảng	TH	15
211	Mr.	Nguyễn Quốc	Bảo	TH	50
212	Mr.	Trần Trọng	Bình	TH	30
213	Mr.	Trương	Cơ	TH	30
214	Mr.	Lê	Đức	TH	67.2
215	Mr.	Nguyễn Anh	Dũng	TH	50
216	Mr.	Nguyễn Hữu	Hào	TH	100
217	Mr.	Wong	Hiền	TH	67.2
218	Mr.	Phạm Quốc	Hiệp	TH	50
219	Mrs.	Trần Thị	Hoa	TH	40
220	Mrs.	Phạm Thị	Hồng	TH	33.6
221	Mr.	Trần T. Lan	Hương	TH	30
222	Mr.	Lê Đăng	Khoa	TH	30
223	Mr.	Bùi	Ký	TH	20
224	Ms.	Gruzdis T.	Loan	TH	100
225	Mr.	Võ	Luận	TH	33.6
226	Mr.	Đinh Như	Mai	TH	50
227	Mrs.	Nguyễn T. Huyền	Nga	TH	50
228	Mr.	Nguyễn Văn	Ngân	TH	20

229	Mr.	Đặng Đức	Nghiêm	TH	50
230	Mr.	Thomas	Nguyễn	TH	60
231	Ms.	Võ Phương	Oanh	TH	20
232	Mr.	Huỳnh Văn	Phú	TH	20
233	Mr.	Nguyễn Ngọc	Phương	TH	80
234	Mr.	Nguyễn Quang	Tân	TH	50
235	Ms.	Trần T.	Thiệu	TH	20
236	Mr.	Phạm	Thọ	TH	50
237	Mr.	Huỳnh Minh	Thúy	TH	100
238	Mr.	Lưu Đức	Tín	TH	50
239	Mr.	Hoàng	Vân	TH	100
240	Mr.	Một thân hữu		TH	50
241	Mr.	Một thân hữu		TH	22.4
242	Mr.	Lê	Anh		50
				Cộng	12280.28

Bảng Tổng Kết

(Tính tới ngày 10 tháng 12 năm 2019)

1. Chi phí cho Đa Hiệu 117:

- Ấn Loát	5,100.00
- Bru Phí trong Hoa Kỳ	1,806.07
- Bru Phí ngoài Hoa Kỳ	1,432.82
- Lệ Phí Ngân Hàng	119.80
- Chuyên Chở	350.00
- Business License	117.40
- Phát Hành, Âm Thực & Linh tinh	625.00
- Bru Phí Phụ Trội + Dịch Vụ TS, VP Phẩm	679.61

Cộng = **10,230.70**

2. Thu:

- Quỹ còn lại sau Đa Hiệu 117	18,616.36
-------------------------------	-----------